

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN CHÂU THÀNH
TỈNH TRÀ VINH**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 29/2023/HN-ST
Ngày: 31 - 3 - 2023
“V/v Ly hôn và tranh chấp quyền
nuôi con”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN CHÂU THÀNH, TỈNH TRÀ VINH

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Liên.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Sơn Nhật Thành.
2. Bà Nguyễn Thị Thúy Liễu.

Thư ký phiên tòa: Ông Dương Khởi – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Châu Thành, tỉnh Trà Vinh.

Viện kiểm sát nhân dân huyện Châu Thành tham gia phiên tòa: Ông Trần Văn Thôn – Kiểm sát viên.

Ngày 31 tháng 3 năm 2023 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Châu Thành xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân và gia đình thụ lý số: 220/2023/TLST-HNGĐ ngày 03 tháng 01 năm 2023. Về ly hôn và tranh chấp quyền nuôi con khi ly hôn theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 38/2023/QĐXXST-HNGĐ ngày 15 tháng 3 năm 2023 giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Ông Trần Minh T, sinh năm 1989.

Địa chỉ: ấp Đ, xã H, huyện C, tỉnh Trà Vinh (Vắng mặt, có đơn yêu cầu xét xử vắng mặt).

Bị đơn: Bà Lê Thị Thanh S, sinh năm 1986.

Địa chỉ: Khóm 1, Thị trấn C, huyện C, tỉnh Trà Vinh. (Vắng mặt, có đơn yêu cầu xét xử vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện và lời khai trong quá trình giải quyết vụ án nguyên đơn ông Trần Minh Tuấn có lời trình bày và yêu cầu như sau: Ông với bà S do tìm hiểu quen biết nhau và tự nguyện đi đến xác lập quan hệ hôn nhân, hôn nhân có tổ chức lễ cưới và có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân Phường An Phú Đông, Quận 12, Thành phố Hồ Chí Minh, nữ trang cưới không có.

Thời gian đầu vợ chồng chung sống với nhau hạnh phúc đến cuối năm 2017

thì phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân là do bất đồng quan điểm, thường xuyên cự cãi nhau, mâu thuẫn gia đình ngày càng nghiêm trọng và vợ chồng đã sống ly thân nhau từ đầu năm 2020 cho đến nay.

Nay xét thấy tình cảm vợ chồng không còn hạnh phúc, mục đích hôn nhân không đạt được, thời gian tới vợ chồng không thể hàn gắn lại với nhau được nữa, ông yêu cầu được ly hôn với bà S.

Về con chung: Ông với bà S có với nhau một người con chung tên Trần Minh H, sinh ngày 18/7/2014 hiện nay đang sống chung với ông T. Khi ly hôn ông thống nhất theo nguyện vọng của con, con có nguyện vọng sống với ông thì ông nuôi, nếu con có nguyện vọng sống với bà S thì ông cũng thống nhất.

Về cấp dưỡng nuôi con: Ông chưa đặt ra yêu cầu.

Về tài sản chung; Về nợ chung và người khác nợ vợ chồng: Không có, nên ông không đặt ra yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tại phiên Tòa ông Trần Minh T vắng mặt có đơn yêu cầu giải quyết vắng mặt nên không có lời trình bày.

Theo biên bản lấy lời khai của bà Lê Thị Thanh S thì bà có ý kiến như sau: Bà với ông T xác lập quan hệ hôn nhân vào năm 2014 và có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân Phường An Phú Đông, Quận 12, Thành phố Hồ Chí Minh. Sau khi cưới vợ chồng chung sống và đi làm tại Thành phố Hồ Chí Minh khoảng năm 2018 thì phát sinh mâu thuẫn nguyên nhân là do cuộc sống khó khăn, từ đó vợ chồng thường xuyên cự cãi nhau tình cảm vợ chồng không còn hạnh phúc và đã sống ly thân nhau từ năm 2020 cho đến nay. Nay ông T ly hôn với bà thì bà cũng đồng ý vì cả hai đã có gia đình mới.

Về con chung: Có một người con tên Trần Minh H, sinh ngày 18/7/2014 hiện nay đang sống chung với ông T. Sau khi ly hôn bà thống nhất để con cho ông T tiếp tục chăm sóc nuôi dưỡng và bà chưa đặt ra yêu cầu cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung; Về nợ chung và người khác nợ vợ chồng: Không có, nên bà không đặt ra yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tại phiên Tòa bà Lê Thị Thanh S vắng mặt nên không có lời trình bày.

Theo biên bản lấy lời khai của em Trần Minh H thì em có ý kiến như sau: Em là con của ông Trần Minh T với bà Lê Thị Thanh S, hiện tại em đang sống chung với bà nội là mẹ ruột của ông Trần Minh T. Sau khi ba mẹ em ly hôn với nhau thì em có nguyện vọng sống chung với ông Trần Minh T.

Vị đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Châu Thành trình bày quan điểm cho rằng: Qua kiểm sát việc giải quyết vụ án từ khi Tòa án thụ lý đến thời điểm này Thẩm phán đã chấp hành đúng quy định theo Điều 48 của Bộ luật Tố tụng dân sự, đảm bảo về thẩm quyền, quan hệ tranh chấp, xác định tư cách người tham gia tố tụng, thu thập chứng cứ, thời gian ban hành quyết định đưa vụ án ra xét xử, gửi hồ sơ cho Viện kiểm sát, cấp tổng đạt các văn bản tố tụng, đã thực hiện đầy đủ và

đúng quy định của pháp luật. Tại phiên tòa Hội đồng xét xử thực hiện đầy đủ và đúng theo trình tự pháp luật quy định của phiên tòa sơ thẩm.

Việc chấp hành pháp luật tố tụng của người tham gia tố tụng đối với nguyên đơn thực hiện đúng theo quy định Điều 70, 71 của Bộ luật Tố tụng dân sự. Bị đơn chưa thực hiện nghiêm quyền và nghĩa vụ của đương sự theo quy định tại Điều 70, 72 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Về nội dung vụ án: Vị đại diện Viện kiểm sát đề nghị áp dụng khoản 1 Điều 28, khoản 1 Điều 35, Điều 39, Điều 147, Điều 227, Điều 228, Điều 238, Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự; các Điều 51, 56, 57, 81, 82, 83 Luật hôn nhân và gia đình và các quy định của pháp luật có liên quan. Đề nghị Hội đồng xét xử:

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông Trần Minh T.

- Về hôn nhân: Cho ông Trần Minh T với bà Lê Thị Thanh S được ly hôn với nhau.

- Về con chung: Ông Trần Minh T được quyền trực tiếp nuôi dưỡng em Trần Minh H, sinh ngày 18/7/2014.

- Về cấp dưỡng nuôi con: Do ông Trần Minh T chưa đặt ra yêu cầu, đề nghị không xem xét.

- Về tài sản chung và về nợ chung và người khác nợ vợ chồng: Do đương sự không yêu cầu, đề nghị không xem xét.

- Về án phí hôn nhân sơ thẩm: Đương sự có nghĩa vụ nộp theo quy định pháp luật, trừ trường hợp miễn nộp hoặc không phải nộp.

Tại phiên tòa ông Trần Minh T là nguyên đơn có đơn yêu cầu giải quyết vắng mặt và Lê Thị Thanh S là bị đơn vắng mặt tại phiên tòa có đơn xin xét xử vắng mặt là phù hợp theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án, trên cơ sở xem xét toàn diện chứng cứ, ý kiến của các đương sự trong vụ án. Hội đồng xét xử nhận định:

Về tố tụng:

[1] Về quan hệ pháp luật tranh chấp: Ông Trần Minh T khởi kiện yêu cầu ly hôn với bà Lê Thị Thanh S. Đây là tranh chấp thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án theo quy định tại khoản 1 Điều 28 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Ông Trần Minh T và bà Lê Thị Thanh S vắng mặt tại Phiên tòa có đơn xin xét xử vắng mặt. Căn cứ vào các Điều 227 và Điều 228 của Bộ Luật tố tụng dân sự Toà án vẫn tiến hành xét xử vụ án theo quy định của pháp luật.

[2] Về thẩm quyền giải quyết vụ án: Ông Trần Minh T và bà Lê Thị Thanh S có địa chỉ trên địa bàn huyện Châu Thành, tỉnh Trà Vinh. Căn cứ vào khoản 1 Điều 35 và khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự, Tòa án nhân dân huyện Châu Thành, tỉnh Trà Vinh có thẩm quyền giải quyết vụ án.

Về nội dung:

[1] Ông Trần Minh T với bà Lê Thị Thanh S xác lập quan hệ hôn nhân năm 2014, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân Phường An Phú Đông, Quận 12, Thành Phố Hồ Chí Minh theo quy định của pháp luật được thể hiện tại giấy chứng nhận kết hôn số 60/2014 ngày 29/5/2014. Từ đó xác định hôn nhân giữa ông T với bà S là hôn nhân hợp pháp.

[2] Xét về nguyên nhân mâu thuẫn: Theo ông T cho rằng do vợ chồng bất đồng quan điểm, dẫn đến thường xuyên cự cãi, mâu thuẫn vợ chồng nghiêm trọng thời gian dài, cả hai bỏ mặt nhau, không còn quan tâm nhau trong cuộc sống, nên ông T với bà S đã sống ly thân nhau từ đầu năm 2020 cho đến nay không thể hàn gắn được.

Theo biên bản lấy lời khai của bà Sương thì bà cũng đồng ý ly hôn với ông T. Hôn nhân giữa bà với ông T có tổ chức lễ cưới và có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân Phường An Phú Đông, Quận 12, Thành phố Hồ Chí Minh vào năm 2018, nữ trang cưới không có. Thời gian đầu vợ chung sống hạnh phúc được bốn năm thì phát sinh mâu thuẫn nguyên nhân là do tánh tình không hợp nhau vợ chồng chung sống thường xuyên cự cãi, từ đó tình cảm vợ chồng không còn hạnh phúc và đã sống ly thân nhau cho đến nay.

Xét thấy vợ chồng phải thương yêu giúp đỡ lẫn nhau để phát triển về mọi mặt thì mới xây dựng gia đình hạnh phúc, mà đằng này ông T với bà S không còn quan tâm nhau trong cuộc sống.

Ông T với bà S đều xác định tình cảm vợ chồng không còn hạnh phúc thời gian tới không thể tiếp tục chung sống được với nhau, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được.

Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của ông T. Cho ông T và bà S được ly hôn với nhau là phù hợp với quy định tại Điều 56 của Luật hôn nhân và gia đình năm 2014.

[3] Về con chung: ông T với bà S cùng xác nhận có với nhau một người con chung tên Trần Minh H, sinh ngày 18/7/2014 hiện con đang sống với ông T, sau khi ly hôn ông thống nhất theo nguyện vọng của con. Còn bà S thống nhất giao con cho ông T tiếp tục chăm sóc nuôi dưỡng.

Xét thấy em Trần Minh H, sinh ngày 18/7/2014 hiện đang sống với ông T. Từ lúc ông T với bà S sống ly thân nhau thì em H do ông T và gia đình ông T là người trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng vẫn đảm bảo chu đáo về mọi mặt cho em H, cũng như việc được đến lớp học hành. Do đó để đảm bảo tốt về điều kiện nuôi dưỡng, đảm bảo cho em Huy có cuộc sống ổn định về tư tưởng, chỗ ở, ổn định các sinh hoạt cuộc sống hằng ngày, cũng như việc đến lớp học hành. Xét thấy khi ly hôn giao em Trần Minh H cho ông Tuấn được quyền trực tiếp nuôi dưỡng là phù hợp với quy định tại Điều 81 của Luật hôn nhân và gia đình.

[4] Về cấp dưỡng nuôi con: Do ông Trần Minh T chưa đặt ra yêu cầu giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[5] Về tài sản chung; Về nợ chung và người khác nợ vợ chồng: Do đương sự chưa đặt ra yêu cầu giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[6] Về án phí hôn nhân sơ thẩm: Ông Trần Minh T phải chịu án phí theo quy định của pháp luật.

Xét quan điểm của Vị kiểm sát viên là có cơ sở nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 28; khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; khoản 1 Điều 147; Điều 227; 228; 238 và khoản 1 Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Căn cứ Điều 19, 51, 53, 54, 56, 57, 58, 81, 82, 83 và Điều 84 của Luật Hôn nhân và gia đình.

Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông Trần Minh T.

1. Về hôn nhân: Ông Trần Minh T với bà Lê Thị Thanh S được ly hôn.

2. Về con chung: Em Trần Minh H, sinh ngày 18/7/2014 hiện đang sống với ông Trần Minh T. Khi ly hôn giao con chung cho ông Trần Minh T được quyền trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng, trông nom, giáo dục.

Sau khi ly hôn, người không nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con chung mà không ai được cản trở.

3. Về cấp dưỡng nuôi con: Do ông Trần Minh T chưa đặt ra yêu cầu giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét.

4. Về tài sản chung; Về nợ chung và người khác nợ vợ chồng: Do đương sự không đặt ra yêu cầu giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét.

5. Về án phí hôn nhân sơ thẩm: Ông Trần Minh T phải chịu số tiền là 300.000đồng (*Ba trăm nghìn đồng*) nhưng được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí mà ông T đã nộp là 300.000đồng (*Ba trăm nghìn đồng*) theo biên lai thu số 0014612 ngày 29/12/2022 do Chi cục thi hành án dân sự huyện Châu Thành, tỉnh Trà Vinh thu, như vậy ông Trần Minh T đã nộp đủ án phí.

Bà Lê Thị Thanh S không phải nộp án phí.

Ông Trần Minh T và bà Lê Thị Thanh S vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết nơi đương sự cư trú.

“Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo qui định tại Điều 02 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi

hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo qui định tại các Điều 06; Điều 07 và Điều 09 của Luật thi hành án dân sự; Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo qui định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự”.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Trà Vinh;
- VKS huyện Càng Long;
- Chi cục THADS;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nguyễn Thị Liên